

(Kèm theo Quyết định số: 2431 /QĐ-ĐHCN, ngày 05 tháng 11 năm 2025,

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên                                  | Ngày sinh  | Ngành học | Dân tộc | Đối tượng                | Hưởng chính sách      | Cần bổ sung                                |
|-----|--------------|--------------------------------------------|------------|-----------|---------|--------------------------|-----------------------|--------------------------------------------|
|     |              |                                            |            |           |         |                          |                       |                                            |
|     | <b>I.</b>    | <b>CTĐT THEO ĐỊNH MỨC CHUẨN</b>            |            |           |         |                          |                       |                                            |
| 1   | 21021257     | Vàng A Vúr                                 | 17/10/2002 | CNKTXD    | Mông    | DTTS, hộ nghèo/cận nghèo | Miễn HP (Chuẩn)       | Đơn + GCN hộ nghèo/cận nghèo đúng thời hạn |
| 2   | 22021182     | Lương Văn Kết                              | 14/02/2004 | CNTT      | Tày     | DTTS, hộ nghèo/cận nghèo | Miễn HP (Chuẩn mức 1) |                                            |
| 3   | 22021195     | Bằng Văn Chiến                             | 24/03/2004 | CNTT      | Sán Diu | DTTS, hộ nghèo/cận nghèo | Miễn HP (Chuẩn mức 1) |                                            |
| 4   | 22021214     | Triệu Minh Nhật                            | 14/04/2004 | CNTT      | Nùng    | DTTS, hộ nghèo/cận nghèo | Miễn HP (Chuẩn mức 1) |                                            |
| 5   | 22022138     | Nguyễn Quốc An                             | 26/10/2004 | KTMT      | Tày     | DTTS, hộ nghèo/cận nghèo | Miễn HP (Chuẩn mức 1) |                                            |
| 6   | 22022140     | Nguyễn Hoàng Phương                        | 23/03/2004 | KTMT      | Mường   | DTTS, hộ nghèo/cận nghèo | Miễn HP (Chuẩn mức 1) |                                            |
| 7   | 23020682     | Châu Khánh Ly                              | 22/09/2005 | CNTT NB   | Tày     | DTTS, hộ nghèo/cận nghèo | Miễn HP (Chuẩn)       |                                            |
| 8   | 23020977     | Phạm Thị Thu Thuỳ                          | 17/05/2005 | VLKT      | Mường   | DTTS, hộ nghèo/cận nghèo | Miễn HP (Chuẩn)       |                                            |
| 9   | 24022201     | Lô Thị Diệu Sơn                            | 05/11/2006 | KTĐK&TĐH  | Thái    | DTTS, hộ nghèo/cận nghèo | Miễn HP (Chuẩn)       |                                            |
|     | <b>II.</b>   | <b>CTĐT THEO ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT</b> |            |           |         |                          |                       |                                            |
| 1   | 23021484     | Đỗ Quang Cường                             | 07/11/2005 | KHMT      | Mường   | DTTS, hộ nghèo/cận nghèo | Miễn HP (ĐMKTKT)      | Đơn + GCN hộ nghèo/cận nghèo đúng thời hạn |
| 2   | 24020319     | Thìn Thị Thúy                              | 15/04/2006 | CNTT      | Nùng    | DTTS, hộ nghèo/cận nghèo | Miễn HP (ĐMKTKT)      |                                            |
| 3   | 24020921     | Nguyễn Thị Ngọc Ánh                        | 09/09/2006 | CNKTXD    | Tày     | DTTS, hộ nghèo/cận nghèo | Miễn HP (ĐMKTKT)      |                                            |
| 4   | 24022903     | Lang Văn Quân                              | 22/09/2006 | KTRB      | Thái    | DTTS, hộ nghèo/cận nghèo | Miễn HP (ĐMKTKT)      |                                            |
| 5   | 25022366     | Lý Hoàng Minh                              | 08/07/2007 | CNKT ĐTVT | Mường   | DTTS, hộ nghèo/cận nghèo | Miễn HP (ĐMKTKT)      |                                            |
| 6   | 25023579     | Hoàng Đức Đại                              | 01/11/2007 | KTRB      | Nùng    | DTTS, hộ nghèo/cận nghèo | Miễn HP (ĐMKTKT)      |                                            |
| 7   | 25023413     | Trần Xuân Triều                            | 01/02/2007 | HTTT      | Mường   | DTTS, hộ nghèo/cận nghèo | Miễn HP (ĐMKTKT)      |                                            |
| 8   | 25024228     | Lô Duy Khánh                               | 24/02/2006 | KTĐK&TĐH  | Thái    | DTTS, hộ nghèo/cận nghèo | Miễn HP (ĐMKTKT)      |                                            |